

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2022

V/v: *Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- 1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn H.
- 2. Các Hội thẩm nhân dân:**

2.1. Ông Lê Quang T;

2.2. Bà Lê Thị O.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Đặng Thị H- Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1989, *có mặt*.

Quê quán: Thôn T V, xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; HKTT và trú tại: Thôn H C, xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1982, *vắng mặt*.

Quê quán, HKTT và trú tại: Thôn H C, xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Hoàng Giang M1, sinh ngày 22/01/2007, *vắng mặt*;

3.2. Cháu Hoàng Tuấn K, sinh ngày 14/01/2013, *vắng mặt*;

3.3. Cháu Hoàng Lê Anh T1, sinh ngày 20/10/2016, *vắng mặt*.

Đều trú tại: Thôn H C, xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu M1, cháu K và cháu T1 là anh Hoàng Văn G và chị Lê Thị M (bố, mẹ đẻ của các cháu).

4. Người làm chứng: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1959, *vắng mặt*.

Trú tại: Thôn H C, xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn G, sinh năm 1982 người ở Thôn H C, xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau vào năm 2006. Hai bên đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/5/2006 (số: 16; quyền số: 01/2006). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương xã T C cho đến nay. Tuy nhiên trong thời gian hai bên chung sống không có sự hòa hợp, xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong suốt thời gian dài, mặc dù đã được người thân, bạn bè động viên nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được tình cảm. Đến tháng 4/2021 chị quyết định làm đơn xin ly hôn gửi ra Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu và Tòa án đã thụ lý giải quyết nhưng sau đó được người thân và Tòa án động viên nên tháng 7/2021 chị đã rút đơn để cho anh G thêm cơ hội cải sửa và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay quan hệ hôn nhân giữa hai bên không được cải thiện, mâu thuẫn càng căng thẳng hơn nên đến tháng 10/2021 chị quyết định làm đơn xin được giải quyết dứt điểm việc ly hôn với anh G để hai bên còn ổn định cuộc sống. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án chị xác định không có ý kiến gì khác nên đã có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và nhiều lần thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Tuy nhiên bị đơn anh Hoàng Văn G chỉ đến làm việc một lần duy nhất vào ngày 07/12/2021, còn lại đều vắng mặt không có lý do và anh G

cho biết quan điểm như sau: Việc anh và chị M đến với nhau là tự nguyện, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/5/2006. Sau khi kết hôn chị M chuyển về gia đình nhà anh chung sống. Thời gian đầu hai bên chỉ mâu thuẫn những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình và thỉnh thoảng chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ khoảng 01 - 02 ngày nhưng từ khoảng tháng 10/2020 hai bên mâu thuẫn căng thẳng nên chị M đã bỏ đi hơn 01 tháng. Mặc dù gia đình, người thân đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng hai bên vẫn căng thẳng. Đến khoảng tháng 4/2021 chị M làm đơn xin ly hôn với anh gửi tới Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết đã nhiều lần báo hai bên đến làm việc nhưng do anh bận công việc và không muốn ly hôn nên anh không đến, cùng với đó hai bên gia đình, người thân vận động, hòa giải nhiều nên đến tháng 7/2021 chị M đã quyết định rút đơn và Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên sau đó mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên vẫn không được cải thiện nên đến tháng 9/2021 chị M lại bỏ đi và hai bên sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Đến nay chị M tiếp tục làm đơn gửi tới Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu để xin ly hôn với anh, quan điểm của anh không nhất trí ly hôn vì anh cho rằng đây là do một phía chị M làm đơn nên phải tự giải quyết. Bản thân anh đến nay cũng không còn biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ hôn nhân vợ chồng vì anh và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo đối với chị M. Ngoài ra anh còn cho biết sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ tháng 11/2021 anh đã nhiều lần nhận được giấy báo của Tòa án báo đến làm việc nhưng do bận công việc và do một phía chị M làm đơn nên anh không đến theo nội dung giấy báo.

Về con chung: Chị M và anh G đều cho biết có 03 con chung, cháu lớn tên là Hoàng Giang M1, sinh ngày 22/01/2007; cháu thứ hai là Hoàng Tuấn K, sinh ngày 14/01/2013 và cháu thứ ba là Hoàng Lê Anh T1, sinh ngày 20/10/2016. Hiện nay cả 03 cháu đang ở cùng anh G. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi và cũng không có con riêng nào khác. Quan điểm của chị M tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2021 xác định nếu vợ chồng ly hôn tôi xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu là cháu Hoàng Lê Anh T1 và để hai cháu trai (M1 và K) cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 31/12/2021 quan điểm của chị M thay đổi, chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Tuấn K vì cho rằng tính cách của cháu phù hợp với chị và để anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Hoàng Giang M1 và Hoàng Lê Anh T1 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Quan điểm của anh G xác định nếu ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 cháu (cháu M1, cháu K và cháu T1) cho đến khi các cháu trưởng thành. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M và anh G đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Quan điểm, nguyện vọng của cháu M1 xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu ở với ai cũng được, tùy theo sự sắp xếp của bố mẹ cháu; Quan điểm,

nguyên vọng của cháu K xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ (chị M). Ngoài ra cháu M1 và cháu K có quan điểm xin được giải quyết, xét xử vắng mặt và có đơn gửi kèm theo.

Ngoài ra chị M và anh G đều cho biết: Việc trong giấy chứng nhận kết hôn và trong các giấy tờ khác của chị M có sự không thống nhất về năm sinh (Cụ thể: Trong giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh ghi nhận là Lê Thị M, sinh năm 1988 nhưng trong sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy khai sinh của các con chung lại ghi nhận là Lê Thị M, sinh năm 1989), đây là do nhầm lẫn trong quá trình khai báo, ghi chép khi đi làm giấy, hai bên đều khẳng định đây là cùng một người.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị M và anh G đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngày 31/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho các bên đương sự. Sau khi nhận được quyết định anh G đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh và có quan điểm xin giữ nguyên như đã khai tại Tòa án trước đây.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã T C, lời khai, quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai mà chị M, anh G cung cấp.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị M giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trước đây.
- Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn G.

- Về con chung: Cần xử giao hai cháu là Hoàng Giang M1, sinh ngày 22/01/2007 và Hoàng Lê Anh T1, sinh ngày 20/10/2016 cho anh G và giao cháu Hoàng Tuấn K, sinh ngày 14/01/2013 cho chị M để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 19/01/2022 cho đến khi ba cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị M và anh G có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị M và anh G đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn H C, xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn, cũng như quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc chị Lê Thị M và anh Hoàng Văn G kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiền hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/5/2006 (số: 16; quyển số: 01/2006). Do vậy quan hệ hôn nhân của chị M và anh G là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xảy ra nhiều bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống, dẫn tới căng thẳng trong thời gian dài. Mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên bảo nhiều nhưng vẫn không cải thiện được mối quan hệ, hai bên đã nhiều lần sống ly thân nhau và lần gần đây nhất là từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Đến nay quan điểm của anh G không nhất trí ly hôn vì anh xác định đây là do một phía chị M làm đơn. Tuy nhiên anh cũng xác định không còn biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ hôn nhân vợ chồng, còn đối với chị M vẫn cương quyết giữ quan điểm xin giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị M được ly hôn với anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị M và anh G vợ chồng có 03 con chung, cháu lớn tên là Hoàng Giang M1, sinh ngày 22/01/2007; cháu thứ hai là Hoàng Tuấn K, sinh ngày 14/01/2013 và cháu thứ ba là Hoàng Lê Anh T1, sinh ngày 20/10/2016. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi và cũng không có con riêng nào khác.

- Về nuôi con chung: Quan điểm của chị M tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 31/12/2021 và tại phiên tòa hôm nay xác định nếu vợ chồng ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Tuấn K và để anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Hoàng Giang M1 và Hoàng Lê Anh T1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Quan điểm của anh G xác định nếu ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 cháu (cháu M1, cháu K và cháu T1) cho đến khi các cháu trưởng thành. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M và anh G đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Quan điểm, nguyện vọng của cháu M1 xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu ở với ai cũng được, tùy theo sự sắp xếp của bố mẹ cháu; Quan điểm, nguyện vọng của cháu K xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ (chị M). Xét nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, tuy nhiên căn cứ theo điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên. Do đó, cần xử giao hai cháu Hoàng Giang M1 và Hoàng Lê Anh T1 cho anh G và giao cháu Hoàng Tuấn K cho chị M để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 19/01/2022 cho đến khi ba cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị M và anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M và anh G đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị M và anh G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

[3.4] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn G.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Hoàng Giang M1, sinh ngày 22/01/2007 và Hoàng Lê Anh T1, sinh ngày 20/10/2016 cho anh G và giao cháu Hoàng Tuấn K, sinh ngày 14/01/2013 cho chị M để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 19/01/2022 cho đến khi ba cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị M và anh G có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo Biên lai thu số 0007563 ngày 02/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/01/2022. Bị đơn, đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã T C;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn